

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **226/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày: 21/5/2019.

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót;

2. Ông Dương Văn Hai.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án –
Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 707/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/ QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huyện Thị Mỹ D, sinh năm: 1988, địa chỉ: 125/2 ấp Bình Kh, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1985, địa chỉ: Số 125/2 ấp Bình Kh, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Huyện Thị Mỹ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng chị Huyện Thị Mỹ D trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và

được Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/10/2018. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có được một con chung là Lê Thị Quế A, sinh ngày 10/8/2011.

Khoảng tháng 6 năm 2018, hai bên phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn mà ham chơi, thường xuyên rượu chè không quan tâm vợ con. Chị có khuyên ngăn anh T nhiều lần để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Tình cảm giữa chị và anh T hiện nay không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn; chị đồng ý giao con chung Lê Thị Quế A, sinh ngày 10/8/2011 cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng anh Lê Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thanh T không đến tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huyện Thị Mỹ D. Chị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét;

Về con chung: Anh T được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Quế Anh, sinh ngày 10/8/2011 ; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu;

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về nợ chung: Chị D trình bày không có nợ chung nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Huyện Thị Mỹ D thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn Huyện Thị Mỹ D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét việc anh T vắng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Huyện Thị Mỹ D Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Huyện Thị Mỹ D và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn chị D và anh T có thời gian sống hạnh phúc không lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn. Chị D đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Theo biên bản xác minh ngày 25/3/2019 của Tòa án đối với ông Lê Văn Thắng, sinh năm 1966 là cha ruột của anh Lê Thanh T thì: Trong thời gian sống chung, chị D và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, trước đây chị D và anh T sống chung với nhau tại nhà của ông nhưng khoảng tháng 6 năm 2018 thì chị D không còn sống chung với anh T nữa, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị D và anh T thì ông không biết rõ chỉ biết trước khi sống ly thân thì chị D và anh T có cự cãi nhau. Ông Thắng cho rằng khi nhận thay các giấy tờ Tòa án giao cho anh T thì ông có chuyển giao lại cho anh T đầy đủ, đúng thời gian quy định như đã cam kết nhưng anh T không đến Tòa án theo nội dung Tòa án đã thông báo và triệu tập. Điều đó chứng tỏ anh T không còn tha thiết tình cảm vợ chồng với chị D. Điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân

giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Lê Thị Quế A, sinh ngày 10/8/2011, hiện đang sống với anh T đồng thời cháu Quế A có nguyện vọng sống với anh T nên giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Quế A là phù hợp. Anh T có quyền yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung trong một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Chị D trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị D phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huyện Thị Mỹ D. Chị D được ly hôn với anh Lê Thanh T. Chị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Anh T được trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Quế A, sinh ngày 10/8/2011. Anh T có quyền yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung trong một vụ kiện khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Huyện Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Huyện Thị Mỹ D trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Huyện Thị Mỹ D phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021547 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Phú Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

